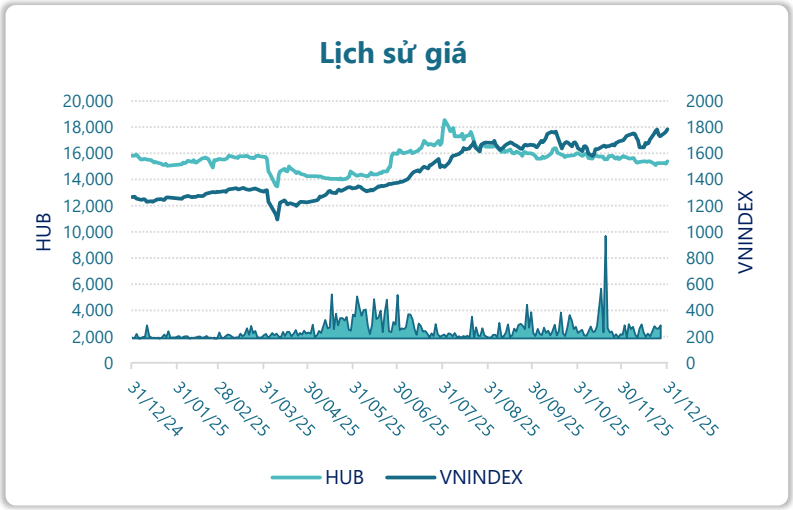
FireAnt

CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế (HSX: HUB)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,478
SL cổ phiếu LH	30,242,878
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,370
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	466
P/E	6.5
EPS	2,362

DT thuần

Q4/25

62.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼21.1| -25.2%

YoY: ▼16.2| -20.5%

LN sau thuế

Q4/25

19.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.50| -25.2%

YoY: ▲ 3.90| 25.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

28.7%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần

2025

305

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.00| -1.2%

LN sau thuế

2025

73.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.70| 3.7%

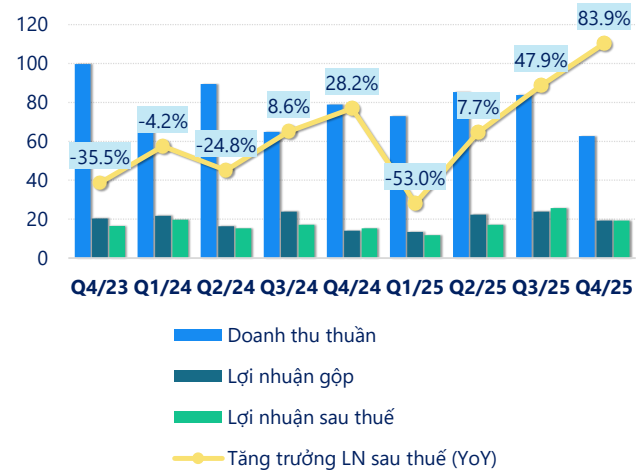
ROE

2025

11.1%

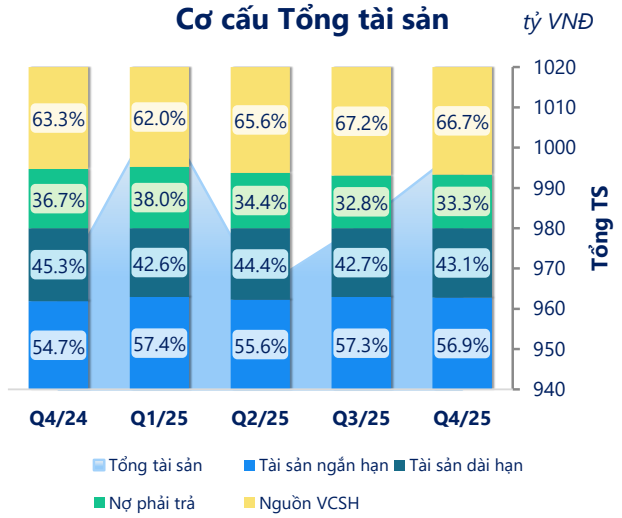
+/- YoY: ▼ 0.1%

Kết quả kinh doanh



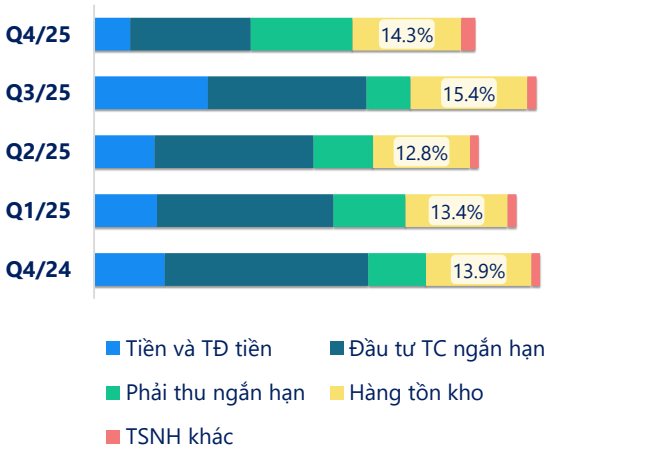
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



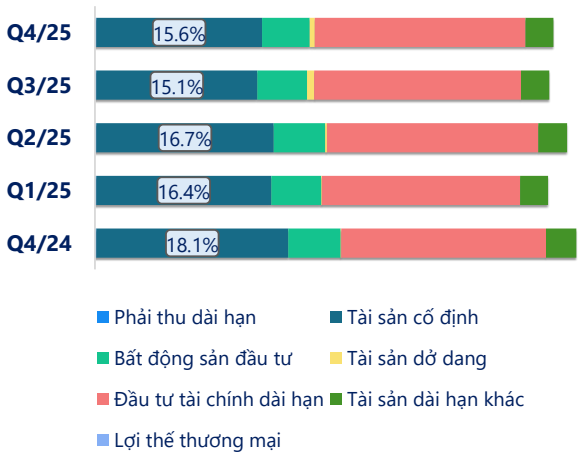
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



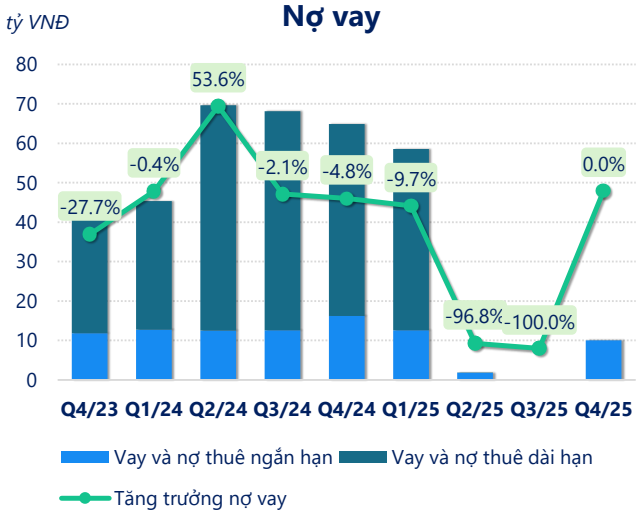
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



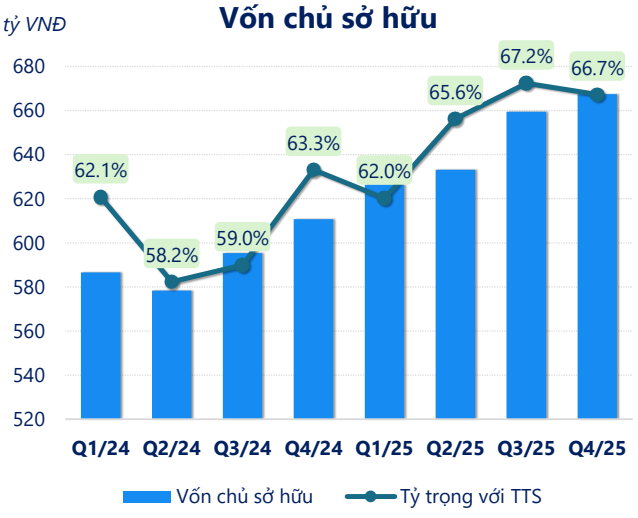
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



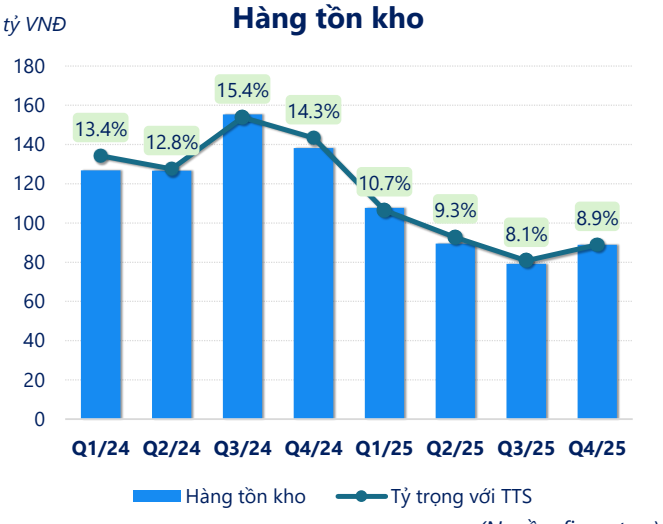
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



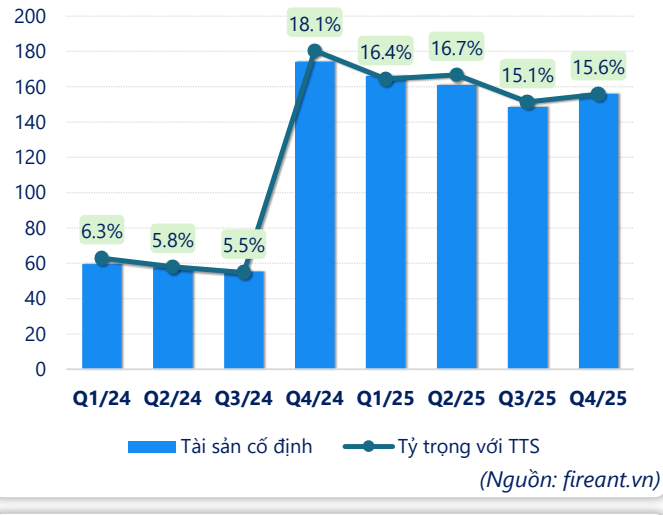
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



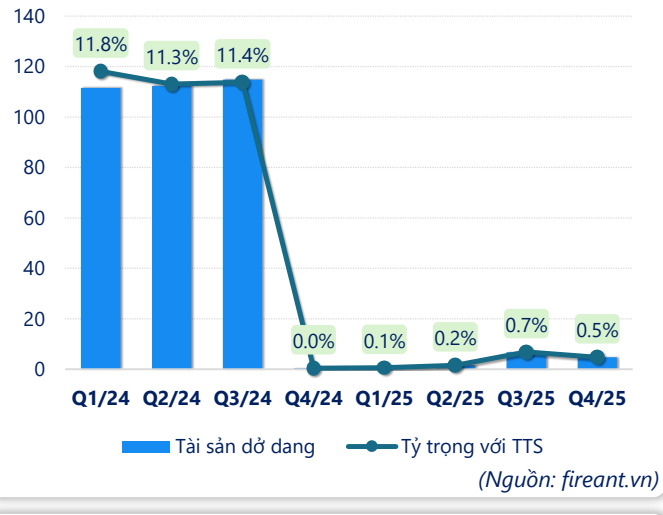
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



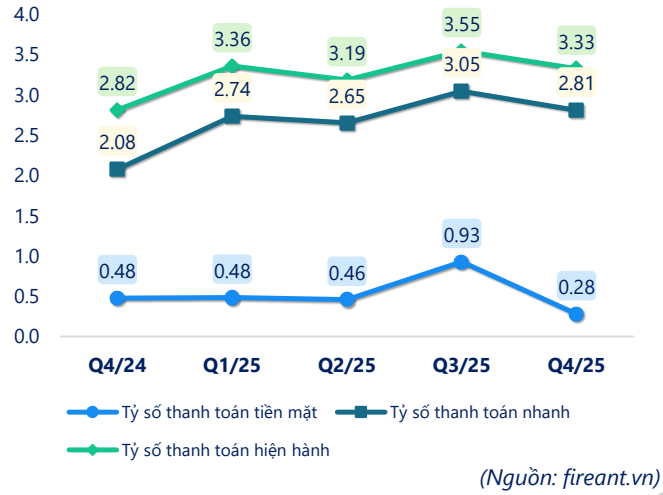
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



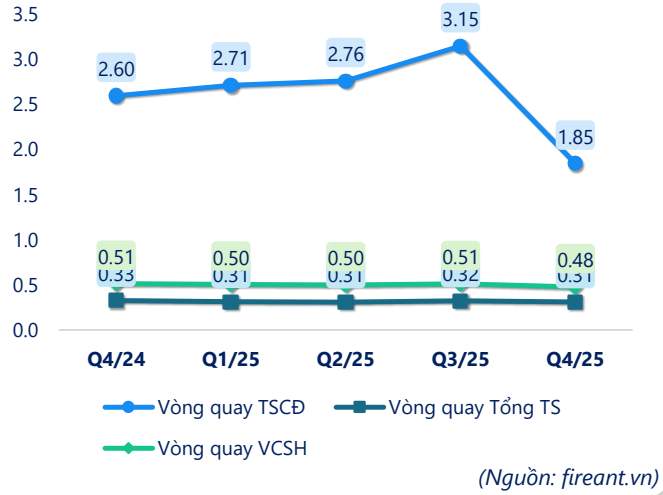
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**965**	**1,010**	**965**	**981**	**1,000**
Tài sản ngắn hạn	**528**	**580**	**536**	**562**	**569**
Tiền và tương đương tiền	89.7	83.6	77.0	147	47.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	153	201	186	170	212
Phải thu ngắn hạn	129	180	179	162	209
Hàng tồn kho	138	108	89.5	79.2	88.9
Tài sản ngắn hạn khác	18.0	7.11	5.54	3.42	10.7
Tài sản dài hạn	**437**	**430**	**428**	**419**	**431**
Phải thu dài hạn	1.20	1.24	1.24	1.24	1.24
Tài sản cố định	174	166	161	148	156
Bất động sản đầu tư	47.6	47.6	46.7	45.8	44.8
Tài sản dở dang	0.41	0.60	1.53	6.73	4.78
Đầu tư tài chính dài hạn	186	188	192	191	198
Tài sản dài hạn khác	27.4	26.5	26.2	26.1	26.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**354**	**384**	**332**	**321**	**333**
Nợ ngắn hạn	**188**	**173**	**168**	**158**	**171**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.2	12.6	1.78	0	10.0
Phải trả người bán ngắn hạn	28.7	26.6	29.0	21.5	26.8
Nợ dài hạn	166	211	163	163	162
Vay và nợ thuê dài hạn	48.6	46.0	0.11	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**611**	**626**	**633**	**659**	**667**
Vốn chủ sở hữu	**611**	**626**	**633**	**659**	**667**
Vốn điều lệ	263	263	263	302	302
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)